TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 506/2018/HS-PT
Ngày 30-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số:142/2018/TLPT-HS ngày 21/02/2018 do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Th, Trần Thị L và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

** Bị cáo có kháng cáo:*

1. Phạm Văn Th, sinh năm 1954 tại Vĩnh Phúc; nơi ĐKNKTT: Số 1005, tòa nhà NK, quận B, Thành phố Hà Nội; chổ ở hiện nay: phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Giám đốc Trung tâm xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ A; trình độ học vấn: Đại học; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông: Trần Minh Th và bà Vương Thị Đ; vợ Kiều Thị Ng và 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2**. Trần Thị L**, sinh năm 1977 tại Hà Nội; nơi ĐKNKTT: phường Q, quận B, Thành phố Hà Nội; chổ ở: phường L, quận B, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Trưởng phòng kế toán tài vụ Trung tâm xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ A; trình độ học vấn: Đại học; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng

theo quyết định số: 96-QĐ/UBKT ngày 19/10/2016 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Tổng Công ty tL mại Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Quốc S và bà Nguyễn Thị Tuyết L; có chồng: Phạm Văn Đ và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập:*

1. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1959; Giám đốc Công ty TNHH thiết bị khoa học kỹ thuật H; địa chỉ: phường T, quận T, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Mạch Thanh H1, sinh năm 1974; nơi ĐKNKTT: Xã M, huyện M, Thành phố Hà Nội; chổ ở: phường NK, quận B, Thành phố Hà Nội; ông H vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa không triệu tập:* Ông Nguyễn Đắc P, ông Nguyễn Anh Q, bà Phạm Trần Kiều Tr, bà Nguyễn Thị Thanh H2, bà Hoàng Bích H3, bà Nguyễn Ngọc U, bà Nhâm Thị Thu H4.

** Nguyên đơn dân sự không kháng cáo:* Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu đầu tư N; địa chỉ: phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc KH, chức vụ: Tổng Giám đốc công ty; ông KH có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Th*: Ông Trần Quốc H, Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; ông Mai Tiến D, Luật sự Văn phòng luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, các Luật sư có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị L:* Bà Ngô Thị Thanh T1, Luật sư Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, bà T1 có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Ngọc H:* Ông Phạm Thế V, Luật sư văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm A trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N (nay là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu, đầu tư N), là đơn vị hạch toán phụ thuộc có 100% vốn Nhà nước. Ngày 17/3/2006 được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận

đăng ký hoạt động chi nhánh số 0114000365; ông Phạm Văn Th là giám đốc, Trần Thị L Trưởng phòng kế toán tài vụ của Trung tâm đã có những sai phạm trong công tác quản lý sử dụng tiền ngân sách. Cụ thể trong năm 2011 và 2012 đã cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, dẫn đến thất thoát của Trung tâm A số tiền 11.400.000.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm xác định được hành vi cụ thể như sau:

Ngày 09/12/2010, Trung tâm A Hà Nội có quy định số 170/CT-A quy định về việc thu mua và quản lý sắn lát và tinh bột sắn. Trong đó có quy định trước khi nghiệp vụ thu mua diễn ra, tổ thu mua phải trình pL án thu mua theo tuần, được ban Giám đốc duyệt; đối tượng được ứng tiền là người có tên trong danh sách và có quyết định của Ban Giám đốc trung tâm điều động tham gia tổ thu mua. Ngày 10/12/2010, Trung tâm A có Quyết định số 76/QĐ-TC-A thành lập tổ thu mua sắn lát và tinh bột sắn; ông Mạch Thanh H1 cán bộ phòng kinh doanh số 1 là tổ trưởng tổ thu mua với nhiệm vụ: Lập pL án thu mua, lập tờ trình nhận tiền của Trung tâm A thực hiện việc thu mua sắn trong dân sau đó hoàn chứng từ thu mua.

Do khó khăn về nguồn vốn, để có tiền thực hiện việc thu mua sắn trong dân, Trung tâm A làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng Ngoại tL Việt Nam (Vietcombank) - chi nhánh Hà Nội; Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Tây Hà Nội (Agribank tây Hà Nội). Sau khi Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của Trung tâm, theo pL án vay vốn Phạm Văn Th đã duyệt chuyển tiền vào tài khoản của Mạch Thanh H1 để thực hiện việc thu mua sắn lát của dân. Trong năm 2011 và 2012 đã chuyển vào tài khoản cá nhân của Mạch Thanh H1 tổng số tiền 145.597.046.000 đồng. Do cần tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn của Trung tâm A tại các Ngân hàng, cũng như để có tiền bù vào các khoản chi trái quy định, Phạm Văn Th đã bàn bạc với Trần Thị L chỉ đạo Mạch Thanh H1 chuyển số tiền 11.400.000.000 đồng trong tổng số 145.597.046.000 đồng tiền thu mua sắn về Trung tâm A, cụ thể như sau:

Đầu năm 2011, chuyển số tiền 5.900.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Trần Thị L, số tài khoản 0011000879982 tại Vietcombank - số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội vào các lần:

- Ngày 24//01/2011 chuyển 2.000.000.000 đồng;

- Ngày 25/01/2011 chuyển 2.000.000.000 đồng;

- Ngày 26/01/2011 chuyển 1.900.000.000 đồng.

Sau khi nhận số tiền trên Trần Thị L không sử dụng để trả nợ cho các khoản nợ tại các Ngân hàng và không chuyển cho Trung tâm A Hà Nội mà sử dụng như sau:

- Ngày 25/01/2011, Trần Thị L chuyển tiền vào tài khoản của Trung tâm A Hà Nội mở tại Agribank Tây Hà Nội, dưới hình thức gốp vốn của cá nhân bị cáo L vào Trung tâm A với số tiền 2 tỷ đồng;

- Ngày 26/01/2011, Trần Thị L chuyển tiền vào tài khoản của Trung tâm A Hà Nội tại Ngân hàng BIDV dưới hình thức góp vốn của cá nhân L số tiền 3 tỷ bảy trăm triệu đồng.

Sau đó, bị cáo L đã rút ra sử dụng để trả khoản tiền chi môi giới đã ứng trước cho ông Trần Ngọc H - Giám đốc Công ty TNHH thiết bị khoa học kỹ thuật H (đã chi từ năm 2006 - 2010). Cụ thể về khoản tiền chi môi giới như sau:

Năm 2005, Phạm Văn Th có quen biết ông Trần Ngọc H. Do ông H có mối quan hệ với Trường đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Quân Y, nên Phạm Văn Th đã thỏa thuận với Trần Ngọc H để ông H môi giới cho Trung tâm A ký kết các hợp đồng với Đại học Y dược và Học viện Quân Y; ngày 01/3/2006, Phạm Văn Th đại diện Trung tâm A Hà Nội ký hợp đồng môi giới tL mại số 01/NV1/A-HL/HĐMG-BH/2006, trong đó thỏa thuận Trung tâm A phải trả tiền môi giới 3%/tổng giá trị gói thầu cho Trần Ngọc H. Trung tâm A đã trúng thầu cung cấp thiết bị cho Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh giá trị là 1.786.874 USD. Năm 2007, thông qua Trần Ngọc H môi giới, Trung tâm A tiếp tục ký 02 hợp đồng cung cấp thiết bị khoa học, y tế cho Học viện Quân Y tổng giá trị 49.764.223.377 đồng.

Việc thỏa thuận chi phí môi giới cho ông Trần Ngọc H, Trung tâm A Hà Nội không báo cáo Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N và Công ty cũng chưa có quy định cụ thể về việc chi phí môi giới hoa hồng và năm 2007, Thanh tra Cục thuế Hà Nội đã tiến hành thanh tra thuế tại Trung tâm A trong thời gian từ tháng 6/2005 hết năm 2006; khi phát hiện khoản chi môi giới hoa hồng trái nguyên tắc nên Đoàn Thanh tra thuế đã loại bỏ khỏi khoản chi phí hợp lý của Trung tâm A. Tuy nhiên, do đã thỏa thuận với ông Trần Ngọc H từ trước nên Phạm Văn Th vẫn chỉ đạo Trần Thị L tiếp tục cân đối để bù vào số tiền môi giới đã tạm ứng trước trái quy định cho ông Trần Ngọc H. Từ năm 2007 đến năm 2010 Trần Thị L đã nhiều lần chi tiền môi giới cho ông Trần Ngọc H tổng số 3.640.508.850 đồng. Ngoài ra, bị cáo L còn trả cho ông H 359.468.621 đồng tiền chênh lệch tỷ giá USD tại các hợp đồng mà Công ty H ký hợp đồng ủy thác nhập khẩu với Trung tâm A. Như vậy, Trần Thị L đã sử dụng

số tiền 3.999.977.471 đồng trong số tiền 5.9000.000.000 đồng từ Mạch Thanh H1 để hạch toán bù vào số tiền đã chi trả tiền môi giới cho ông H. Số tiền còn lại Trần Thị L đã chi cho việc tiếp khách, chi thưởng ngoài quy định trong các dịp lễ, tết cho các đơn vị, cá nhân có quan hệ kinh doanh theo chỉ đạo của Phạm Văn Th.

Ngày 26/12/2011, để có tiền trả nợ và chi phí ngoài quy định Phạm Văn Th và Trần Thị L đã chỉ đạo Mạch Thanh H1 chuyển số tiền 5.500.000.000 đồng vào tài khoản của Tần Thị Lan L mở tại Vietcombank; sau khi nhận được khoản tiền này, Trần Thị Lam L đã sử dụng như sau:

- Ngày 26/12/2011, Trần Thị L nộp tiền mặt vào Trung tâm A Hà Nội, dưới hình thức góp vốn số tiền 900.000.000 đồng mang tên Nguyễn Việt H5 (nhân viên cũ của Trung tâm A);

- Ngày 26/12/2011, Trần Thị L nộp tiền mặt vào Trung tâm A Hà Nội dưới hình thức góp vốn số tiền 300.000.000 đồng mang tên Phạm Trần Kiều Giang (con gái của Phạm Văn Th);

- Ngày 26/12/2011, Trần Thị L chuyển 4 tỷ đồng vào tài khoản số 0011000896548 của anh Nguyễn Văn Q mở tại Vietconbank, nhờ anh Quân chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH tL mại D (Công ty D) để cho Công ty D vay. Theo bị cáo L từ năm 2002, Công ty TNHH tL mại D chuyên kinh doanh mặt hàng giấy, do Công ty D không đủ năng lực về tài chính nên đã hợp tác với Trung tâm A Hà Nội để nhập khẩu mặt hàng giấy cung cấp cho một số nhà máy in. Cuối năm 2011, tổng dư nợ của Công ty D tại Trung tâm A Hà Nội là 57.663.297.900 đồng; do cần có tiền để trả nợ, giảm dư nợ của Công ty TNHH D đối với Trung tâm A Hà Nội; Trần Thị L đã thỏa thuận với ông Phước sẻ cho Công ty D vay số tiền 4 tỷ đồng với lãi suất 6%/tháng; hợp đồng vay nợ, biên bản chốt nợ đều do L soạn thảo chuyển cho Công ty D, ông Nguyễn Đắc P ký xác nhận sau đó chuyển lại cho L.

Số tiền 1.500.000.000 đồng: L góp vốn vào Trung tâm A dưới tên Phạm Trần Kiều Tr và Nguyễn Việt H5 1.200.000.000 đồng; sử dụng cho việc chi tiếp khách, đối ngoại vào các dịp lễ tết theo chỉ đạo của Phạm Văn Th 300.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Phạm Văn Th chỉ thừa nhận vào các dịp lễ, tết đã chỉ đạo Trần Thị L lập danh sách các tổ chức, cá nhân cần đối ngoại lập danh sách để Th duyệt thông qua danh sách, sau đó Phòng kế toán tự cân đối nguồn tiền để thực hiện việc chi đối ngoại (số tiền này được chi ngoài sổ sách, không hạch toán).

Với nội dung trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th, Trần Thị L phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng"; áp dụng khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 12 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; áp dụng khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị L 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2016.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; buộc Công ty D phải bồi thường cho Công ty TNHH Nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N (nay là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu, đầu tư N) số tiền 4 tỷ đồng; ông Trần Ngọc H phải bồi thường cho Công ty TNHH Nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N số tiền 3.999.977.471 đồng; buộc bị cáo Phạm Văn Th và Trần Thị L phải bồi thường cho Công ty TNHH Nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N số tiền 3.400.000.000 đồng

Ngoài ra Bản án còn buộc nghĩa vụ nộp án phí dân sự, án phí hình sự và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/01/1018 bị cáo Phạm Văn Th có đơn kháng cáo cho rằng: Không thu thập được chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo mà chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo L để kết tội bị cáo là không khách quan, không đúng với quy định của pháp luật nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm; ngày 15/01/2018 bị cáo Trần Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 16/01/2018 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Trần Ngọc H có đơn kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm đã buộc ông phải trả cho Công ty TNHH Nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N số tiền 4 tỷ đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiện tòa phúc thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau:

* *Bị cáo Phạm Văn Th trình bày:* Hành vi của bị cáo không cấu thành tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" vì không thỏa mãn các yếu tố sau:

- Mặt khách quan của tội phạm thể hiện ở hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái quy định của Nhà nước trong quản lý kinh tế; quy định của Nhà nước là những quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như Chính

phủ, Quốc Hội…và Mạch Thanh H1 chuyển 11,4 tỷ đồng cho Trung tam Aex không vi phạm bất kể quy định nào của Nhà nước về quản lý kinh tế.

- Mặt chủ quan của tội phạm: Người phạm tội có lỗi cố ý; nhận thức được hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, thấy trước được được hậu quả sẽ xẩy ra nhưng vì vụ lợi hay động cơ cá nhân khác nên người phạm tội mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả xẩy ra. Trong vụ án này bị cáo không hề có lỗi trong việc chỉ đạo Mạch Thanh H1 chuyển tiền cho Trung tâm A, vì việc chuyển tiền chỉ nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động đúng đắn của Trung tâm A. Tuy nhiên, Mạch Thanh H1 đã theo chỉ đạo của Trần Thị L tự ý chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của L và bị cáo L đã không thực hiện đúng việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của Trung tâm A theo đúng yêu cầu dẫn đến thất thoát tài sản của Trung tâm.

* *Bị cáo Trần Thị L trình bày:* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình cũng như của bị cáo Th. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, hỗ trợ cơ quan Điều tra điều tra để sớm kết thức vụ án, hơn nữa mặc dù gia đình có hoàn cảnh hết sức khó khăn nhưng đã cố gắng khắc phục một phần hậu quả, bản thân bị cáo có nhiều thành tích, nhưng cấp sơ thẩm vẫn xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù là cao; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* *ông Trần Ngọc H trình bày:* Ngày 01/3/2006, ông ký hợp đồng môi giới tL mại với Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N theo đúng trình tự và quy định của pháp luật; ông đã hoàn thành trách nhiệm theo nội dung của hợp đồng; căn cứ vào nội dung của hợp đồng, đối chiếu quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; số tiền Trung tâm A thanh toán cho ông không nằm trong số tiền 11.400.000.000 đồng; trong hợp đồng thể hiện nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa Kinh tế, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, ông Th đã thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho ông và hai bên không có kiếu kiện gì; việc thanh toán này từ tiền lợi nhuận của các hợp đồng do ông môi giới cho Trung tâm A Th thầu. Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để trưng cầu giám định cơ quan Tài chính giám định xác định nguồn tiền thánh toán cho ông Từ đâu.

* *Ông Lê Quốc KH, Tổng giám đốc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu đầu tư N (Tiền thân là Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu đầu tư N)trình bày:* Việc Công ty thất thoát số tiền 11,4 tỷ đồng là có thật và không những khoản tiền này mà còn nhiều khoản khác liên quan đến Trung tâm A; sau

khi cổ phần hóa theo quyết định của Thành phố Hà Nội đến nay chưa thể bàn giao được và tại quyết định này xác định Trung tâm A còn khoản nợ hơn 48 tỷ đồng và đã quy trách nhiệm cho Trần Thị L, trong đó có 11,4 tỷ đồng trong vụ án này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xác định đúng trách nhiệm của từng cá nhân có liên quan để xử lý đúng người, đúng tội và không làm xấu đi tình trạng của các bị cáo, đồng thời cần làm rõ trách nhiệm dân sự trong vụ án, vì theo quyết định cổ phần hóa đã xác định số tiền 11,4 tỷ đồng này trong tổng số hơn 48 tỷ. Hơn nữa, để xẩy ra việc thất thoát phía Công ty TNHH một thành viên xuất nhập đầu tư N, với tư cách là cơ quan chủ quản phải chịu trách nhiệm. Đối với hợp đồng môi giới tL mại với Công ty H cần phải điều tra làm rõ thêm về nguồn tiền trả cho ông H lấy từ nguồn tiền nào. Bởi vì, theo quy định của Pháp luật việc chi môi giới hoa hồng là được phép, nhưng nguồn tiền chi trả phải hợp lệ; nếu nguồn tiền chi trả là hợp lệ thì chi phí đó là hợp pháp và hợp đồng có giá trị, còn nếu nguồn tiền chi trả không hợp pháp thì hợp đồng sẽ vô hiệu và ông H phải hoàn trả lại tiền.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm cho rằng:* Xét kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp lệ nên đề nghị chấp nhận để xem xét giải quyết; việc bị cáo Th chỉ đạo Mạch Thanh H1 chuyển tiền lại cho Trung tâm A có có thật, việc sử dụng tiền do bị cáo L thực hiện; chưa đủ căn cứ xác định bị cáo Th chỉ đạo cho Công ty D vay số tiền 4 tỷ đồng, hơn nữa Công ty D nợ Trung tâm A đã được Tòa án thụ lý giải quyết và chưa có cơ sở xác định số tiền 4 tỷ đồng này đã được giải quyết chưa, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc Công ty D bồi thường cho Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N là chưa hợp lý; bị cáo L thừa nhận chuyển tiền cho Công ty D từ tài khoản cá nhân của bị cáo; quá trình điều tra chưa xác định được rõ ràng số tiền trả cho Công ty H lấy từ nguồn tiền nào; ngoài ra còn một số nội dung chưa được làm rõ, tại cấp phúc thẩm không bổ sung được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

** Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Th phát biểu:*

- Luật sư Mai Tiến D trình bày: Đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là hồ sơ điều tra chưa đầy đủ, thiếu nhiều chứng cứ quan trọng không bổ sung được tại cấp phúc thẩm, nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử sơ thẩm lại, cụ thể: Hành vi của bị cáo Th không làm trái quy định của nhà nước, nên không cấu thành tội "Cố ý làm trái các quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng"; bị cáo Th chỉ đạo bị có L

chuyển tiền về Trung tâm A để trả nợ và bị cáo L đã xác định có trả nợ cho Ngân hàng; hồ sơ vụ án thể hiện không có bút tích nào bị cáo Th chỉ đạo bị cáo L chi các khoản trái nguyên tắc tài chính, cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của bị cáo L để buộc tội bị cáo Th là chưa có căn cứ vững chắc;

- Luật sư Trần Quốc H1 trình bày bổ sung: Đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát và Luật sư D; số tiền trả cho ông Trần Ngọc H được xác định bằng hợp đồng môi giới tL mại giữa Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N với ông H, ông Th ký với tư cách đại diện cho Công ty được Tổng giám đốc Công ty ủy quyền, và số tiền này đã được thanh toán xong năm 2010 (trước thời điểm chuyển số tiền 11,4 tỷ đồng về), hợp đồng này không vi phạm pháp luật và điều cấm của xã hội, các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo cam kết trong hợp đồng nên không có tranh chấp, từ hợp đồng này đã môi giới T dẫn đến Trung tâm A thu được lợi nhuận đưa về cho Công ty; số tiền 4 tỷ đồng cho Công ty D vay đều thể hiện do cá nhân bị cáo L thực hiện; việc chi khoản tiền đối nội, đối ngoại là việc làm thường xuyên của các doanh nghiệp nhằm tri ân cho những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho doanh nghiệp, để làm rõ được nội dung này cần phải có kết luận của cơ quan chuyên môn kết luận việc sai phạm; bị cáo Th có nhiều đóng góp cho Trung tâm A Hà Nội, trong quá trình hoạt động công tác được tặng nhiều bằng khen và các danh hiệu khác; hiện tại sức khỏe yếu suy tim độ 3 nhưng chưa được điều tra, làm rõ. Vì vậy, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại làm rõ các nội dung trên.

* *Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị L trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo L trong vụ án; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều theo sự chỉ đạo của bị cáo Th; việc chi trả tiền môi giới cho Công ty H năm 2006 Thanh tra thuế đã loại bỏ khỏi mục chi khoản tiền này nên bị cáo và Th tìm nhiều nguồn để chi trả cho Công ty H sau đó lấy trong số tiền 11,4 tỷ để bù vào; số tiền chuyển cho Công ty D có sự chỉ đạo của bị cáo Th, việc lấy tư cách cá nhân của bị cáo L mục đích để thu hồi nợ dễ dàng hơn; đối với khoản chi đối ngoại đều có sự phê chuẩn của bị cáo Th trước khi bị cáo L thực hiện; bị cáo L là cấp dưới nên phải phục tùng sự chỉ đạo của cấp trên nên chịu nhiều sức ép; quá trình điều tra cũng như tại các phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả, tích cực giúp đỡ Cơ quan Công an điều tra sớm kết thúc vụ án; nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

** Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Trần Ngọc H trình bày:* Bản án sơ thẩm nhận định do Thanh tra Thuế loại khỏi khoản chi môi giới hoa hồng nên đã lấy tiền của Trung tâm trả cho ông H, sau đó lấy trong số tiền 11,4 tỷ để bù vào là không có cơ sở; cấp sơ thẩm xác định hợp đồng môi giới vô hiệu nhưng không đưa ra được căn cứ pháp lý và không giải quyết hậu quả; chưa làm rõ được quyền và nghĩa vụ của các bên, chưa có căn cứ chứng minh số tiền 11,4 tỷ đồng đi đâu; Công ty H ký hợp đồng môi giới với Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu đầu tư N do ông Th đại diện theo ủy quyền, không ký với Trung tâm A, qua hợp đồng này đã đem lại lợi nhuận cho Công ty nhưng Công ty lại không chịu chi phí môi giới hoa hồng là không có căn cứ, thoái thác trách nhiệm; theo quy định của Luật tL mại thì việc chi phí môi giới hoa hồng là được phép, hợp đồng không vi phạm, các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận. Đề nghị xem xét lại trách nhiệm dân sự của Công ty H, không có căn cứ buộc Công ty H hoàn trả lại tiền. Đề nghị cần yêu cầu điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Để có tiền thực hiện việc thu mua mặt hàng sắn lát và tinh bột sắn trong dân, Trung tâm A phải lập pL án thu mua sau đó làm thủ thục vay vốn tại một số Ngân hàng như: Vietcombank - 198 Trần Quang Khải, Hà Nội; Agribank Tây Hà Nội. Căn cứ phương án vay vốn các Ngân hàng đã đồng ý cho Trung tâm Arrtex vay vốn; sau khi được Ngân hàng giải ngân, Phạm Văn Th đã duyệt chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Mạch Thanh H1 (tổ trưởng tổ thu mua) để thực hiện việc thu mua sắn trong dân. Trong năm 2011, 2012 Trung tâm A đã chuyển vào tài khoản cá nhân của Mạch Thanh H1 tổng số tiền 145.597.046.000 đồng. Tuy nhiên, do cần tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn của Trung tâm A tại các Ngân hàng nên Phạm Văn Th đã bàn với Trần Thị L, đồng thời chỉ đạo Mạch Thanh H1 chuyển số tiền 11.400.000.000 đồng (trong tổng số 145.597.046.000 đồng) về Trung tâm A; việc chuyển tiền cụ thể thế nào Mạch Thanh H1 có trách nhiệm trao đổi, bàn bạc với Trần Thị L và L đã chỉ đạo Mạch Thanh H1 chuyển số tiền trên qua tài khoản cá nhân của Trần Thị L. Sau khi có tiền, Trần Thị L đã dùng số tiền đó để thanh toán các khoản chi trái nguyên tắc, dẫn đến thất thoát số tiền 11.400.000.000 đồng của Trung tâm A không thu hồi được; quá trình điều tra, cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm Phạm Văn Th chỉ thừa nhận chỉ đạo Trần Thị L và Mạch Thanh H1 chuyển

11.400.000.000 đồng về Trung tâm A để trả nợ các khoản nợ đến hạn, còn việc bị cáo L và anh Hưng chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Trần Thị L bị cáo không nắm được và bị cáo L chi phí thanh toán cho ông Trần Ngọc H, và cho Công ty D vay bị cáo không biết; bị cáo chỉ thừa nhận có chỉ đạo L chi phí lễ tết, quà tặng cho một số cá nhân trái quy định.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Căn cứ vào phương án thu mua sắn, một số Ngân hàng giải ngân cho Trung tâm A vay vốn để thu mua, nhưng do cần tiền nên bị cáo Phạm Văn Th và Trần Thị L thống nhất chuyển số tiền 11,4 tỷ đồng trong số tiền vay để thu mua sắn về Trung tâm A là có thật. Tuy nhiên, theo các bị cáo mục đích là để trả nợ những khoản nợ tại một số Ngân hàng đã đến hạn nhưng chưa xác định rõ được những khoản nợ này có hay không và khi chuyển tiền về có sử dụng đúng mục đích là trả nợ hay không?

- Nếu các bị cáo dùng số tiền chuyển về để trả nợ cho các khoản nợ thì có trái nguyên tắc không; Theo trình bày của Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu đầu tư N thì nếu có tiền dôi dư trong hoạt động thu mua sắn lát, hoặc trường hợp cần thiết khác, Giám đốc Trung tâm A Hà Nội chỉ đạo chuyển tiền về tài khoản của Aex Hà Nội; trường hợp Phạm Văn Th chỉ đạo Mạch Thanh H1 chuyển 11,4 tỷ đồng về Trung tâm A có thuộc trường hợp này không?

- Theo Phạm Văn Th thì bị cáo chỉ đạo Mạch Thanh H1 phải chuyển tiền về Trung tâm A nhưng Mạch Thanh H1 lại chuyển tiền vào tài khoản của cá nhân bị cáo L, việc chuyển tiền của Trung tâm A vào tài khoản cá nhân của bị cáo L là trái với nguyên tắc tài chính, vi phạm pháp luật tạo điều kiện cho bị cáo L rút tiền ra sử dụng không đúng mục đích dẫn đến thất thoát, nhưng chưa được điều tra làm rõ để xem xét trách nhiệm đối với Mạch Thanh H1 với vai trò đồng phạm;

- Số tiền 4 tỷ đồng Công ty D vay chưa được làm rõ là Trần Thị L cho vay với tư cách cá nhân hay Trung tâm A cho vay, không có tài liệu thể hiện Phạm Văn Th chỉ đạo; theo Nguyễn Văn Q (tại bút lục số 213) thì cơ quan Điều tra đã cho Quân xem hợp đồng vay nợ giữa Công ty D với Trần Thị L, nhưng cấp sơ thẩm lại kết luận không thu hồi được hợp đồng;

- Theo Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Quốc KH, Tổng giám đốc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư N thì do Công ty D nợ Trung tâm A khoản

tiền gần 60 tỷ đồng không thanh toán, nên Công ty TNHH nhà nước một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư N đã khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 37/2013/QĐST-KDTM-CNTT, ngày 16/7/2013. Tuy nhiên, số tiền 4 tỷ Trần Thị L chuyển qua tài khoản của anh Nguyễn Văn Q, sau đó anh Quân chuyển cho Công ty D vay chưa xác định được là đã được giải quyết trong vụ án dân sự này chưa, nhưng cấp sơ thẩm vẫn buộc Công ty D hoàn trả cho Công ty U Hà Nội là chưa đủ căn cứ;

- Theo quy chế tài chính của Công ty U Hà Nội, thì việc chi hoa hồng là được phép, nhưng phải hợp pháp, hợp lệ; vậy như thế nào là hợp pháp, hợp lệ; việc trung tâm ký hợp đồng với Trường đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Quân Y có được hạch toán vào nguồn thu của Trung tâm hay không và việc thu được lợi nhuận Công ty U Hà Nội có biết không chưa được làm rõ;

- Chưa đủ cắn cứ để chứng minh nguồn tiền để thanh toán cho Công ty H lấy từ nguồn tiền 11,4 tỷ do Mạch Thanh H1 chuyển về, vì việc thanh toán cho Công ty H thực hiện trước khi Mạch Thanh H1 chuyển 11,4 tỷ đồng vào tài khoản của bị cáo L; số tiền này lấy từ nguồn nào chưa được làm rõ; tại phiên tòa phúc thẩm ông KH cũng khẳng định nguồn tiền trả cho Công ty H chưa xác định được;

- Hợp đồng mối giới tL mại số 01/NV1/A-HL/HĐMG-BH/2006 được ký kết giữa ông Trần Ngọc H với Công ty U Hà Nội - Trung tâm A và Phạm Văn Th, Phó giám đốc Trung tâm ký với tư cách là đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty U Hà Nội, nhưng Công ty U Hà Nội lại không nắm được và trách nhiệm của Lãnh đạo Công ty như thế nào, theo ông KH Công ty U cũng phải chịu trách nhiệm;

- Theo ông Lê Quốc KH Tổng giám đốc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu đầu tư N thì khi có quyết định của UBND Thành phố Hà Nội chuyển Công ty U T ty cổ phần xác định Trung tâm A còn dư nợ khoản nợ trên 48 tỷ đồng và đã xác định trách nhiệm trả nợ thuộc bị cáo L, trong khoản đó có số tiền 11,4 tỷ đồng mà Mạch Thanh H1 chuyển cho bị cáo L từ nguồn tiền thu mua sắn. Vì vậy, cần là rõ để xác định trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án.

Từ những phân tích trên thấy rằng: Để giải quyết vụ án khách quan, toàn diện đúng pháp luật thì cần làm rõ các nội dung trên, nhưng việc điều tra của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, chưa có căn cứ vững chắc để giải quyết vụ án; những căn cứ này tại cấp phúc thẩm không thể làm rõ và bổ sung được. Vì vậy, cần hủy án để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc

thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Th, bị cáo Th; ông Trần Ngọc H đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là có căn cứ cần chấp nhận;

[3] Do hủy Bản án sơ thẩm để điều tra xét xử sơ thẩm lại, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị L chưa được xem xét giải quyết.

[4] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự; hủy Bản án sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội để điều tra xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật; giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội để giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- PV27; PC81 công an TP Hà Nội;
- Trại Tạm giam CA TP Hà Nội;
- Toà án ND TP Hà Nội;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Thái Duy Nhiệm